TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 54/2025/DSST Ngày 29 - 9 - 2025 V/v Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tư Thế.

2. Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk (cũ), tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST- DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc: *Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Bá L.

Địa chỉ: Số nhà 01 Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là số nhà 01 Buôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk).

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị H.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Ngọc N, sinh năm 1970, bà Văn Thị B, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn A, xã C, tỉnh Đắk Lắk) – đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hồ Thị Diệu Nh – sinh năm 1995.
- Anh Hồ Ngọc N1 – sinh năm 1995.
- Anh Hồ Ngọc B – sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn A, xã C tỉnh Đắk Lắk) – đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Lê Bá L là người được thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2023/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Người phải thi hành án là bị đơn ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B, theo nội dung Quyết định của các bản án nêu trên thì ông N, bà B có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền đặt cọc là 700.000.000 đồng, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Các bản án đã có hiệu lực pháp luật, anh L đã có đơn yêu cầu thi hành án, được Chi cục thi hành án dân sự huyện K thụ lý thi hành án. Quá trình thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện K tiến hành xác minh tài sản của ông N, bà B có Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.015m^2, tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk), đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, cấp ngày 15/8/2000, đứng tên hộ ông Hồ Ngọc N. Anh L được Chi cục thi hành án thông báo về việc anh L được quyền yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất của ông N, bà Bé trong khối tài sản chung theo Thông báo số 394/TB-CCTHADS ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án huyện K. Vì vậy, anh L yêu cầu Toà án giải quyết xác định phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông N, bà B theo quy định của pháp luật trong khối tài sản hộ của ông N, bà B là thửa số 140, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.015m^2, tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, cấp ngày 15 tháng 8 năm 2000, đứng tên hộ ông Hồ Ngọc N.

Bà Lê Thị H đồng ý với các kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì khác, đối với với diện tích đất theo hiện trạng thực tế ít hơn, chênh lệch 1.817m^2 so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H không có yêu cầu xem xét giải quyết, bà Hoài chỉ yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông N, bà B đối với diện tích đất theo hiện trạng như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.198m^2.

Bị đơn ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Diệu Nh, anh Hồ Ngọc N1, anh Hồ Ngọc B (các con của ông N, bà B), trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt mặc dù đã được cấp, thông báo, tống

đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, Điều 85 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà: Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện K, Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2023/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ngày 18 tháng 7 năm 2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện K đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 605/QĐ-CCTHADS buộc ông Hồ Ngọc N và bà Văn Thị B phải trả cho ông Lê Bá L số tiền 700.000.000 đồng (số tiền cọc đã nhận). Do ông N, bà B không có tiền để thi hành án, Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện K đã tiến hành xác minh tài sản của ông N, bà B để cưỡng chế thi hành án. Qua kết quả xác minh tài sản thể hiện ông N bà B có tài sản là thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.015m^2 tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, cấp ngày 15/8/2000, đứng tên hộ ông Hồ Ngọc N. Để đảm bảo việc thi hành án, ngày 26/01/2024 Chi cục thi hành án dân sự huyện K ban hành Thông báo số 394/TB-CCTHADS, thông báo về việc xác định quyền sỡ hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và đề nghị người được thi hành án ông Lê Bá L yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sỡ hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B trong khối tài sản chung theo thủ tục tổ tụng dân sự đối với tài sản trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Xét thấy tại thời điểm Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 cho hộ ông Hồ Ngọc N, tại thời điểm này hộ gia đình ông N gồm có 05 người là ông Hồ Ngọc N (chủ hộ), bà Văn Thị B (vợ), các con là Hồ Thị Diệu Nh (sinh năm 1995), Hồ Ngọc N1 (sinh năm 1995) và Hồ Ngọc B (sinh năm 1998), tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con ông N, bà B đều dưới 18 tuổi, không có công sức đóng góp trong khối tài sản chung này. Xét về hiện trạng tài sản trên đất hiện nay theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2024 và kết quả định giá tài sản ngày 12/8/2024, thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23 có diện tích theo hiện trạng sử dụng thực tế hiện nay là 3.198 m^2, có các tài sản trên đất là nhà ở, các vật kiến trúc và cây

trồng, tổng giá trị tài sản gồm đất và tài sản trên đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 863.460.000 đồng.

Do đó, căn cứ các điều 33, 34 Luật hôn nhân gia đình; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; Điều 207, 212, 213, 235 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bá L về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B trong khối tài sản chung của hộ gia đình. Xác định ông Hồ Ngọc N và bà Văn Thị B được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa số 140, tờ bản đồ số 23, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, cấp ngày 15 tháng 8 năm 2000, đứng tên hộ ông Hồ Ngọc N.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết người tiến hành tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, Điều 85 và Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do mặc dù được triệu tập hợp lệ nên việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án,* đây là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk) theo quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm n khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hiện trạng tài sản, thấy rằng: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản thì thửa số 140, tờ bản đồ số 23 có diện tích đất theo hiện trạng sử dụng hiện nay của ông Hồ Ngọc N và bà Văn Thị B là 3.198 m^2, có vị trí tứ cận:

- Phía đông giáp đường đất bà H Hi Niê, dài 75,5m;
- Phía tây giáp phần đất bà Võ Thị By, dài = 89m;

- Phía nam giáp đất ông Lê Văn C, dài 40,3m;

- Phía bắc giáp đường nhựa, dài 38 m.

Về tài sản trên đất có các vật kiến trúc, xây dựng gồm: 01 nhà gỗ, diện tích 65m^2, khung gỗ mái tôn thiếc, không trần, nền láng xi măng, móng đá hộc và mái hiên nhà, kèo gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 10m^2; 01 nhà bếp, móng xây đá hộc, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 22,8m^2; 01 nhà tắm xây gạch, tô trát, móng đá hộc, nền láng xi măng, mái lợp tôn, diện tích 6m^2; 01 Chuồng heo xây gạch, không tô trát, móng xây đá hộc, nền láng xi măng, diện tích 8,36m^2; sân xi măng diện tích 70m^2; 01 giếng đào, đường kính 1,2m, nặp đậy bê tông, sâu 20m. Các cây trồng trên đất có 110 cây cà phê; 01 cây chôm chôm; 52 cây tiêu; 01 cây xoài; 54 cây đinh lăng; 18 cây bơ; 30 cây sầu riêng nhỏ; 09 cây sầu riêng lớn; 01 cây ổi; 01 cây sampuchia; 01 cây quất; 03 cây dâu tằm; 01 cây bằng lăng; 02 cây Sanh; 05 cây trà xanh.

Tổng giá trị tài sản gồm đất và toàn bộ tài sản trên đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 863.460.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bị đơn đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23, Hội đồng xét xử nhận định: Bị đơn ông N, bà B là người phải thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2023/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Người phải thi hành án là ông N và bà B có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền là 700.000.000 đồng, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Anh L đã có đơn yêu cầu thi hành án, ngày 18 tháng 7 năm 2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện K đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 605/QĐ-CCTHADS, quá trình thi hành án, Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk đã tiến hành xác minh tài sản của ông N, bà B để cưỡng chế thi hành án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được việc thi hành án, ông N, bà B, các con của ông N, bà B không tự thỏa thuận phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung đối với thửa số 140, tờ bản đồ số 23 nên Chi cục thi hành án dân sự đã ban hành thông báo số 394/TB-CCTHADS ngày 26 tháng 01 năm 2024, thông báo cho người được thi hành án anh Lê Bá L biết về quyền khởi kiện xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đất của ông N, bà B trong khối tài sản chung để thi hành án. Vì vậy, anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng của ông N, bà B trong khối tài sản chung nêu trên để thi hành án là đúng quy định tại Điều 74 của Luật thi hành án dân sự nên cần chấp nhận.

[3.3] Xét nguồn gốc, quá trình tạo lập tài sản: Thửa số 140, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.015m^2, tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, cấp ngày 15 tháng 8 năm 2000, đứng tên hộ ông Hồ Ngọc N, tại thời điểm Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 cho hộ ông Hồ Ngọc N, tại thời điểm này hộ gia đình ông N gồm có 05 người, trong đó chủ hộ là ông Hồ Ngọc N, vợ là bà Văn Thị B, các con là Hồ Thị Diệu Nh, sinh năm 1995, Hồ Ngọc N1, sinh năm 1995 và con Hồ Ngọc B, sinh năm 1998. Nguồn gốc đất theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 05/4/2000 ghi nhận đất tự khai phá năm 1992, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con ông N, bà B đều còn nhỏ, trong đó chị Nh và anh N1 được 05 tuổi còn anh B được 03 tuổi. Do đó, có cơ sở xác định thửa số 140, tờ bản đồ số 23 nêu trên của hộ ông Hồ Ngọc N do ông N và bà B là người trực tiếp tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, các con chung của ông N, bà B không có công sức đóng góp trong khối tài sản chung này, quá trình giải quyết vụ án bị đơn và các con đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối hay có ý kiến về nguồn gốc, quá trình sử dụng hoặc công sức đóng góp của các con đối với tài sản. Do đó, căn cứ nguồn gốc, quá trình tạo lập, sử dụng tài sản, cần xác định ông N, bà B có quyền sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ tài sản là quyền sử đụng đất của thửa số 140, tờ bản đồ số 23, có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 3.198 m^2, tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk) để thi hành án đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2023/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Đối với diện tích đất chênh lệch theo hiện trạng thực tế là 1.817m^2 so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về chí phí tố tụng: Anh L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng (đã chi phí xong). Do yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận nên bị đơn ông N, bà B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh L số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông N, bà B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm n khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 Luật thi hành án

dân sự; các Điều 207, 210, 212, 213, 219 và Điều 235 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 34 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bá L về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bị đơn ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B để thi hành án.

1. Xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bị đơn ông Hồ Ngọc N, bà Văn Thị B để thi hành án là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23, có diện tích theo hiện trạng là 3.198 m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.015m^2) tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 257853, do Uỷ ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15 tháng 8 năm 2000 mang tên hộ ông Hồ Ngọc N; trên đất có 01 nhà gỗ, diện tích 65m^2, mái hiên nhà có diện tích 10m^2; 01 nhà bếp diện tích 22,8m^2; 01 nhà tắm xây gạch diện tích 6m^2; 01 Chuồng heo xây gạch diện tích 8,36m^2; sân xi măng diện tích 70m^2; 01 giếng đào, đường kính 1,2m, nặp đậy bê tông, sâu 20m; 110 cây cà phê; 01 cây chôm chôm; 52 cây tiêu; 01 cây xoài; 54 cây đinh lăng; 18 cây bơ; 30 cây sầu riêng nhỏ; 09 cây sầu riêng lớn; 01 cây ổi; 01 cây sampuchia; 01 cây quất; 03 cây dâu tằm; 01 cây bằng lăng; 02 cây Sanh; 05 cây trà xanh.

2. Về chí phí tố tụng: Bị đơn ông Hồ Ngọc N và bà Văn Thị B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Lê Bá L chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn ông Lê Bá L và bà Văn Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn anh Lê Bá L số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004346, ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Đắk Lắk).

Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân